



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Lớp: TC13KTLA (Kinh tế nông lâm)
Môn Học: Thủy sản đại cương (206109-05)
CBGD

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	13220004	LÊ THỊ TRƯỜNG	AN	70/38/09	2	8	tam	TM	
2	13220005	NGUYỄN VĂN	BÀ	01/27/08	2	8	tam	Nguyễn Văn	
3	13220008	HUỖNH VĂN MINH	CHÁNH	80/88/04	2	7	bảy	Phạm	
4	13220009	NGUYỄN HOÀNG	CHƠN	50/88/08	1	6	rao	choy	
5	13220010	NGUYỄN NGỌC	CHUẨN	40/98/02	1	7	bảy	Nguyễn	
6	13220011	ĐẶNG VĂN	CÒN	60/17/06	1	6	rao	Đặng	
7	13220006	LÊ TẤN	CƯỜNG	11/26/09	1	7	bảy	Le	
8	13220007	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	40/78/04	1	7	bảy	Quốc	
9	13220012	LÊ HOÀNG	DANH	20/78/06	1	7	bảy	Le	
10	13220001	HUỖNH HẢI	ĐĂNG	/08/07	2	8	tam	Phạm	
11	13220002	MAI TRÍ	ĐĂNG	51/28/02	1	7	bảy	mai	
12	13220013	TRẦN THỊ TUYẾT	GIANG	10/99/01	1	8	tam	Trần	
13	13220015	NGUYỄN MINH	HẢI	/28/03	1	7	bảy	Nguyễn	
14	13220014	NGUYỄN VĂN	HÂN	60/87/09	1	7	bảy	Nguyễn	
15	13220018	CAO MINH	HIẾU	50/67/05	1	6	rao	cao	
16	13220019	LÊ HỒNG	HIẾU	80/17/07	1	7	bảy	Le	
17	13220021	TRẦN MINH	HOÀNG	80/68/08	1	7	bảy	Trần	
18	13220016	TRẦN THỊ ÚT	HỒNG	01/28/04	2	8	tam	Trần	
19	13220022	HUỖNH THỊ THANH	HUỆ	70/67/06	✓	✓			✓
20	13220020	VÕ LÊ ĐẠI	HƯNG	51/28/03	2	7	bảy	Võ	
21	13220032	NGUYỄN VĂN	KẾT	/78/06	1	7	bảy	Nguyễn	
22	13220027	LÊ HOÀNG	KHANH	/68/05	2	8	tam	Le	
23	13220028	PHÙNG QUỐC	KHANH	90/68/07	2	7	bảy	Phùng	
24	13220024	TRƯƠNG DUY	KHÁNH	80/38/09	✓	✓			✓
25	13220025	NGUYỄN HỮU	KHÔI	31/08/	1	8	tam	Nguyễn	
26	13220029	LÊ VĂN	KHÔI	/06/05	1	6	rao	Le	
27	13220026	NGUYỄN VĂN	KHƯƠNG	61/18/02	1	8	tam	Nguyễn	
28	13220030	LÊ ANH	KIỆT	90/98/03	1	8	tam	Le	
29	13220031	TRẦN VĂN TUẤN	KIỆT	50/98/01	2	8	tam	Trần	
30	13220017	NGUYỄN THỊ HỒNG	LAM	20/08/85	2	7	bảy	Nguyễn	
31	13220034	PHÙNG VĂN	LÂM	19/06/06	1	6	rao	Phùng	
32	13220033	PHẠM MINH	LÂM	19/18/04	1	6	rao	Phạm	
33	13220035	NGUYỄN CHÍ	LINH	20/58/01	1	6	rao	Nguyễn	

(Handwritten signature)

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC13KTLA (Kinh tế nông lâm)

Môn Học: Thủy sản đại cương (206109-05)

CBGD

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
34	13220036	PHẠM CHÍ LINH	/08/	1	7	baý		
35	13220037	LÊ VĂN LUẬN	51/07/06	1	6	sau		
36	13220039	PHẠM CÔNG MUỘI	71/08/01	2	7	baý		
37	13220038	TRẦN VĂN MUỘI	/06/09	1	5	năm		
38	13220042	TRẦN MINH NGHĨA	20/78/04	1	5	năm		
39	13220043	TRẦN VĂN NGHĨA	10/16/09	1	5	năm		
40	13220041	TRIỆU THỊ HỒNG	70/17/09	2	8	tam		
41	13220040	ĐÀO HOÀNG	NGÔ	70/26/09	✓	✓		✓
42	13220044	PHẠM THẾ PHƯƠNG	11/07/08	2	7	baý		
43	13220046	TRƯƠNG VĂN QUI	01/08/04	2	7	baý		
44	13220045	NGUYỄN VINH QUỐC	/07/04	2	7	baý		
45	13220047	NGUYỄN THỊ SARÂY	40/18/03	2	7	baý		
46	13220048	HỒ THỊ BÍCH	50/88/02	2	7	baý		
47	13220050	CHÂU THANH TÀI	91/28/05	2	8	tam		
48	13220051	TRƯƠNG HOÀNG TẤN	/08/06	2	7	baý		
49	13220055	HUỲNH DUY THANH	50/59/	2	8	tam		
50	13220053	NGUYỄN VĂN THÀNH	90/96/07	1	6	sau		
51	13220054	LÊ VĂN THÀNH	50/68/06	1	7	baý		
52	13220056	LÊ CHÍNH THUẬN	30/48/01	2	7	baý		
53	13220052	LÊ THỊ TUYẾT THƯ	60/37/09	1	6	sau		
54	13220059	TRẦN PHAN MINH TIẾN	80/38/04	1	6	sau		
55	13220060	NGUYỄN THỊ KIM TIẾNG	20/58/06	2	7	baý		
56	13220061	NGUYỄN THỊ ÁNH TIẾT	10/68/03	2	8	tam		
57	13220063	NGUYỄN THANH TOÀN	80/48/02	1	6	sau		
58	13220062	NGUYỄN VĂN TOÀN	50/59/04	2	7	baý		
59	13220064	ĐOÀN VĂN TRỌN	40/96/08	1	5	năm		
60	13220068	PHAN THANH TRÚC	21/18/01	2	9	chín		
61	13220069	LÝ MINH	TRUNG	10/58/02	✓	✓		✓
62	13220070	NGUYỄN MINH TRUNG	40/28/02	2	7	baý		
63	13220066	NGUYỄN LÊ TRƯỜNG	70/68/03	2	8	tam		
64	13220072	LÊ ANH TUẤN	90/48/01	1	6	sau		
65	13220073	LÊ THANH TUẤN	/29/02	1	7	baý		
66	13220071	NGÔ THANH TUẤN	01/17/04	1	7	baý		
67	13220058	NGÔ MINH TÙNG	71/08/	2	7	baý		
68	13220057	NGUYỄN THANH TÙNG	80/47/09	2	6	sau		

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC13KTLA (Kinh tế nông lâm)

Môn Học: Thủy sản địa phương (206109-05)

CBGD

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
69	13220074	PHẠM NGUYỄN	TUYÊN	30/98/	1	7	baý	<i>[Signature]</i>	
70	13220076	ĐÀO TUẤN	VŨ	10/17/06	2	7	baý	<i>[Signature]</i>	
71	13220075	ĐẶNG PHÚC	VŨ	80/57/09	2	7	baý	<i>[Signature]</i>	
72	13220077	HUỲNH KIM	VUI	70/77/01	1	8	tam	<i>[Signature]</i>	
73	13220078	LÊ HỒNG	XINH	81/07/05	1	7	baý	<i>[Signature]</i>	
74	13220079	HUỲNH THỊ NHƯ	Ý	41/19/03	1	7	baý	<i>[Signature]</i>	

In Ngày 31/10/14

Ngày 27 Tháng 11 Năm 2014

Cán Bộ Coi Thi 1

Cán Bộ Coi Thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

In Ngày 31/10/14

TP.HCM, Ngày 31 tháng 10 năm 2014

Ng~ Phúc Cẩm Tú Nguyễn Văn Tư